

Bản án số: 151/2021/HS-ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VY, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Bùi Thị Thu Hằng

- Bà Vũ Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố VY.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VY, Tòa án nhân dân thành phố VY xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 155/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 29/7/1990, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố Gạch, phường TS, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Tuấn L và bà Nguyễn Thị Ng; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 13/8/2021 (có mặt).

2. Bị hại: Anh Triệu Tồn Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Mai Nham, xã DP, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L Q: Chị Hà Thị L, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Mai Nham, xã DP, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà 95A, đường Hùng Vương, phường TS, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần phương tiện đi lại nên khoảng 12 giờ ngày

29/10/2020, Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1990, trú tại: Tổ dân phố Gạch, phường TS, thành phố VY gọi điện thoại cho anh Triệu Tồn Q, sinh năm 1995, trú tại: Thôn Mai Nham, xã DP, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (là bạn quen biết, cùng làm chung công ty trước đây với anh Q) và hỏi mượn xe máy của anh Q để đến thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có việc đến chiều cùng ngày sẽ trả xe, anh Q đồng ý và hẹn N đến Công ty TNHH DD-Tech, địa chỉ: Số 2 đường Hoàng Hoa Thám, phường Đồng Tâm, thành phố VY (chỗ anh Q đang làm việc). Sau đó, N một mình đến cổng Công ty TNHH DD-Tech gặp anh Q. Tại đây, anh Q giao cho N mượn 01 xe máy nhãn hiệu Honda Blade, BKS: 88K1 – 198.27 cùng 01 ví giả da màu nâu để trong cốp xe, bên trong gồm có: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS: 88K1 – 198.27 mang tên Hà Thị L; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS: 88MĐ6 – 036.62 mang tên Phạm Thị Thúy; 01 chứng minh nhân dân; 02 thẻ bảo hiểm xã hội và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Triệu Tồn Q. Sau khi mượn được xe, N một mình điều khiển xe đi lên thành phố Việt Trì để gặp anh Nguyễn Tuấn Việt, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: phường TS, thành phố VY (là anh trai của N), hiện đang công tác tại Quân khu 2, thành phố Việt Trì, mục đích là để xin tiền tiêu xài nhưng khi đến nơi không L lạc được và cũng không gặp được anh Việt nên N quay về. Trên đường về, N nảy sinh ý định bán chiếc xe máy của anh Q để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên N điều khiển xe máy đến cửa hàng mua bán xe máy Đức Thảo ở số 95 đường Hùng Vương, phường TS, thành phố VY gặp anh Nguyễn Thành Long, sinh năm 1988 (là chủ cửa hàng) đặt vấn đề bán xe máy trên. Tại đây, N nói dối xe máy này là của N nên anh Long tin tưởng và đồng ý mua chiếc xe với giá 7.000.000đ, đồng thời N viết lại cho anh Long 01 giấy bán xe và để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88K1 – 198.27 (bản gốc) cùng 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tuấn N (bản sao). Sau khi bán được xe máy, N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh Q. Sau khi không thấy N trả xe đúng hẹn, anh Q nhiều lần gọi điện thoại cho N nhưng N không nghe máy, trốn tránh và không trả lại xe cho anh Q nên ngày 25/3/2021 anh Q đến cơ quan trình báo sự việc như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 59/KL-HĐĐG ngày 20/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố VY kết luận: *“01 xe máy nhãn hiệu Honda Blade, BKS: 88K1 – 198.27, màu sơn trắng đen. Xe đã cũ, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu 2015, định giá qua hồ sơ, trị giá 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng)”*.

Ngày 03/7/2021, Cơ Q điều tra ra Thông báo truy tìm vật chứng đối với xe máy nhãn hiệu Honda Blade, BKS: 88K1 – 198.27, màu sơn trắng đen. Đến nay chưa thu giữ được.

Ngày 06/8/2021, anh Nguyễn Thành Long đã giao nộp cho Cơ Q điều tra 01 Giấy bán xe máy đề ngày 29/10/2020 do Nguyễn Tuấn N viết và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tuấn N (bản photo) để phục vụ công tác điều tra. Cùng ngày, Cơ Q CSĐT Công an thành phố VY đã tiến hành cho anh Long nhận dạng qua ảnh đối với Nguyễn Tuấn N, kết quả anh Long xác nhận N là người trực tiếp đến bán chiếc xe máy BKS: 88K1 – 198.27 cho anh Long ngày 29/10/2020.

Ngày 09/8/2021, Cơ Q CSĐT Công an thành phố VY ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định mẫu chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tuấn N. Tại Kết luận giám định số 2353 ngày 13/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Tuấn N” dưới mục “Người bán (ký và ghi rõ họ tên)” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tuấn N trên mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người ký, viết ra”*.

Bị hại anh Triệu Tồn Q trình bày: Ngày 29/10/2020, Nguyễn Tuấn N gọi điện thoại cho anh Triệu Tồn Q, (N là bạn quen biết, cùng làm chung công ty trước đây với anh Q) và hỏi mượn xe máy của anh Q để đến thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có việc đến chiều cùng ngày sẽ trả xe, anh Q đồng ý và hẹn N đến Công ty TNHH DD-Tech, địa chỉ: Số 2 đường Hoàng Hoa Thám, phường Đồng Tâm, thành phố VY (chỗ anh Q đang làm việc). Sau đó, N đến cổng Công ty TNHH DD-Tech gặp anh Q. Tại đây, anh Q giao cho N mượn 01 xe máy nhãn hiệu Honda Blade, BKS: 88K1 – 198.27 cùng 01 ví giả da màu nâu để trong cốp xe, bên trong gồm có: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS: 88K1 – 198.27 mang tên Hà Thị L; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS: 88MĐ6 – 036.62 mang tên Phạm Thị Thúy; 01 chứng minh nhân dân; 02 thẻ bảo hiểm xã hội và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Triệu Tồn Q. Sau khi không thấy N trả xe đúng hẹn, anh Q nhiều lần gọi điện thoại cho N nhưng N không nghe máy, trốn tránh và không trả lại xe cho anh Q nên ngày 25/3/2021 anh Q đến cơ Q Công an trình báo sự việc như trên. Nay anh yêu cầu Nguyễn Tuấn N phải bồi thường giá trị chiếc xe máy trên là 13.000.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L chị Hà Thị L trình bày: Chị là vợ của anh Triệu Tồn Q, chị là chủ sở hữu xe máy nhãn hiệu Honda Blade, BKS: 88K1 – 198.27, sau khi kết hôn với anh Q, chị L đã giao chiếc xe máy trên cho anh Q quản lý sử dụng và để làm phương tiện đi lại. Việc anh Q cho Nguyễn Tuấn N

mượn xe, chị L không biết, nay N đã bán mất chiếc xe trên. Anh Triệu Tồn Q yêu cầu Nguyễn Tuấn N bồi thường 13.000.000đ, chị không có ý kiến gì về giá trị chiếc xe trên và yêu cầu N phải bồi thường cho anh Q số tiền trên, chị không có yêu cầu gì khác.

Anh Nguyễn Thành Long trình bày: Chiều ngày 29/10/2020, Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1990, trú tại: Tổ dân phố Gạch, phường TS, thành phố VY có bán cho anh Long xe máy BKS: 88K1 – 198.27 quá trình mua bán bán xe máy trên, N nói với anh Long đó là xe máy của N nên anh Long tin tưởng đồng ý mua xe máy trên với giá 7.000.000đ, đồng thời N viết lại cho anh Long 01 giấy bán xe và để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88K1 – 198.27 (bản gốc) cùng 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tuấn N (bản sao). Đến khoảng tháng 11/2020, anh Long đã bán xe máy này cho 01 N giới (không rõ họ tên, tuổi và địa chỉ) với giá 8.000.000đ. Ngày 24/11/2021 anh N tự nguyện nộp số tiền 1.000.000đ thu lời từ việc bán chiếc xe trên tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VY.

Tại Cáo trạng số: 159/CT-VKS ngày 26/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY đã truy tố Nguyễn Tuấn N về tội: “Lạm dụng tín chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ Q điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tuấn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Nguyễn Tuấn N giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn N phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Hoàng Tuấn N từ 10 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584; 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Tuấn N với anh Triệu Tồn Q về việc bị cáo N bồi thường cho anh Q số tiền 13.000.000đ.

Xác nhận cơ Q điều tra đã thu giữ và trả lại 01 ví giả da màu nâu; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS: 88MD6 – 036.62 mang tên Phạm Thị Thúy;

01 chứng minh nhân dân; 02 thẻ bảo hiểm xã hội và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Triệu Tồn Q.

Tịch thu số tiền 1.000.000đ anh Nguyễn Thành Long nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố VY.

Bị cáo Nguyễn Tuấn N không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo N tại Cơ Q điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L Q, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách Q đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 12 giờ ngày 29/10/2020, tại phường Đồng Tâm, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Tuấn N có hành vi lợi dụng lòng tin của anh Triệu Tồn Q thông qua việc mượn xe máy nhãn hiệu Honda Blade, BKS: 88K1 – 198.27 của anh Q. Sau đó, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy trên của anh Q nên N đã mang xe bán cho anh Nguyễn Thành Long được 7.000.000đ rồi tiêu xài cá nhân hết số tiền này dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh Q. Trị giá tài sản N đã chiếm đoạt của anh Q theo kết luận định giá là 13.000.000đ.

Hành vi của bị cáo N đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b, Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng

xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 3 năm nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ Q điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình (sửa đổi, bổ sung năm 2017) làm căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nếu để cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục nói chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có L Q và hành vi có L Q trong vụ án gồm:

Đối với anh Nguyễn Thành Long là người mua lại xe máy BKS: 88K1 – 198.27 của Nguyễn Tuấn N. Quá trình điều tra xác định, khi bán xe máy trên N nói dối anh Long đó là xe máy của N nên anh Long tin tưởng đồng ý mua và không biết đó là tài sản do N chiếm đoạt mà có. Do vậy Cơ Q điều tra không đề cập xử lý đối với anh Long là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác

định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với xe máy BKS: 88K1 – 198.27 N bán cho Nguyễn Thành Long với giá 7.000.000đ, anh Nguyễn Thành Long đã bán cho một người N giới (không rõ họ tên, tuổi và địa chỉ) với giá 8.000.000đ. Do vậy, cơ Q điều tra không thu giữ được. Số tiền 1.000.000đ anh Long thu lời bất chính từ việc bán chiếc xe máy trên là tài sản do người khác phạm tội mà có. Ngày 24/11/2021 anh Nguyễn Thành Long tự nguyện nộp số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố VY theo số biên lai thu tiền số 0002526, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận cơ Q cơ Q điều tra đã thu giữ và trả lại 01 ví giả da màu nâu; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS: 88MĐ6 – 036.62 mang tên Phạm Thị Thúy; 01 chứng minh nhân dân; 02 thẻ bảo hiểm xã hội và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Triệu Tồn Q, Anh Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, nên Hội xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Tuấn N và anh Triệu Tồn Q thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại về tài sản là bị cáo N bồi thường cho anh Q số tiền 13.000.000đ, việc thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 13/8/2021).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Tuấn N và bị hại anh Triệu Tồn Q về việc bị cáo N bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Q số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không

thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ do Nguyễn Thành Long tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VY ngày 24/11/2021 theo biên lai thu số 0002526, là số tiền Long thu lời bất chính từ việc bán chiếc BKS: 88K1 – 198.27 là tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Tuấn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, người có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố VY;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố VY;
- Chi cục thi hành án VY;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Tiến

